

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Bích Loan
2. Bà Đặng Thị Thanh Nhung

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa:

Ông Trần Dương Công – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 167/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020. Về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Mộng N**, sinh năm 1981

Trú tại: Thôn T, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn M** (Tên gọi khác: **Q**), sinh năm 1978

Trú tại: Thôn T, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Mộng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M chung sống với nhau vào năm 1999 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16 tháng 8 năm 2007. Trong thời

gian đầu chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng mấy năm trở lại đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không còn hòa hợp. Chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng đã quá nhiều mâu thuẫn, tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh M có 03 con chung: là Nguyễn Tầu N, sinh ngày 07/12/2000; Nguyễn Thị Mộng N, sinh ngày 26/4/2003 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 21/10/2010.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Mộng N, sinh ngày 26/4/2003 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 21/10/2010 cho đến khi đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phần tranh tụng tại phiên tòa, chị thay đổi yêu cầu, chị nhận thấy hiện nay điều kiện của chị chưa đảm bảo để nuôi con vì chị mới ra thuê nhà ở, chỗ ở chưa được ổn định, nên chị và anh M thỏa thuận giao cả 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Mộng N và cháu Nguyễn Thị Thảo N cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Tầu N, sinh ngày 07/12/2000 đã đủ 18 tuổi và đã lập gia đình riêng nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về vấn đề cấp dưỡng: Anh M không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung thì chị đồng ý.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh M tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh M, nhưng anh M không đến làm việc, vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành làm bản tự khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Do đó, căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh và chị Nguyễn Mộng N chung sống với nhau vào năm 1999 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16 tháng 8 năm 2007. Trong thời gian đầu chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng mấy năm trở lại đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không còn hòa hợp. Anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng đã quá nhiều mâu thuẫn, tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị Nhung có 03 con chung: là Nguyễn Tầu N, sinh ngày 07/12/2000; Nguyễn Thị Mộng N, sinh ngày 26/4/2003 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 21/10/2010.

Tại phần tranh tụng tại phiên tòa anh M cho rằng hiện nay điều kiện của chị N chưa đảm bảo để nuôi con vì chị N mới ra thuê nhà ở, chỗ ở chưa được ổn định, nên anh và chị N thỏa thuận giao cả 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Mộng N và cháu Nguyễn Thị Thảo N cho anh trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Tấn N, sinh ngày 07/12/2000 đã đủ 18 tuổi và đã lập gia đình riêng nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về vấn đề cấp dưỡng: Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Anh và chị N tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ban hành bản án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về vấn đề ly hôn, con chung. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; Ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Mộng N có đơn yêu cầu giải quyết vấn đề hôn nhân, con chung giữa chị với anh Nguyễn Văn M, địa chỉ thôn T, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh M chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện không bên nào bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16 tháng 8 năm 2007 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị N và anh M sinh sống thì trong quá trình chung sống chị N và anh M có xảy ra mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án chị N kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh M và tại

phiên tòa anh M cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng chị N anh M đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh M.

[3] Về con chung: Chị N và anh M có 03 con chung là Nguyễn Tầu N, sinh ngày 07/12/2000; Nguyễn Thị Mộng N, sinh ngày 26/4/2003 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 21/10/2010.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị N và anh M về việc nuôi dưỡng con chung: Giao cả 02 con chung là Nguyễn Thị Mộng N, sinh ngày 26/4/2003 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 21/10/2010 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Tầu N, sinh ngày 07/12/2000 đã đủ 18 tuổi và đã lập gia đình riêng các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ: Chị N và anh M tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị N và anh M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở cần chấp nhận.

[8] Do chị N và anh M thỏa thuận được các nội dung của vụ án tại phần tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử ban hành bản án để ghi nhận sự thỏa thuận các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; 235; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Mộng N và anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị N và anh M, giao cả 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Mộng N, sinh ngày 26/4/2003 và cháu Nguyễn Thị

Thảo N, sinh ngày 21/10/2010 cho M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Tầu N, sinh ngày 07/12/2000 hiện nay cháu đã đủ 18 tuổi và đã lập gia đình riêng, chị N và anh M không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Anh M không được quyền cản trở chị N đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị N và anh M không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, trả lại cho chị N 150.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0011889 ngày 22 tháng 7 năm 2020. Anh M phải chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện E.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ea Súp;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện E;
- UBND xã I, huyện E;
- Lưu Văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Hoài